

Số: 3294/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng**  
**tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, Luật sửa đổi năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cải cách chính sách BHXH; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc Hội về Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 26/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH; Nghị quyết số 102-NQ/CP ngày 3/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH;

Căn cứ Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 07/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW;

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV nhiệm kỳ 2020-2025; Công văn số 801-CV/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tại Tờ trình số 410/TTr-SLĐTBXH ngày 21/12/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2022 cho các huyện, thành phố (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** UBND các huyện, thành phố căn cứ chỉ tiêu phát triển từng loại đối tượng tham gia BHXH, BHYT, giao chỉ tiêu cho UBND các xã, phường, thị trấn gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, áp dụng đồng bộ các nhóm giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT để đạt các chỉ tiêu được giao; Quy định việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT là tiêu chí đánh giá, nhận xét, khen thưởng hàng năm của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện tỷ lệ bao phủ BHXH, BHYT tại địa phương; tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT cho người dân trên địa bàn, nhất là chính sách BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình; đổi mới, đa dạng hình thức tuyên truyền và phù hợp với từng địa bàn dân cư, các nhóm đối tượng tham gia BHXH, BHYT.

Kêu gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đóng trên địa bàn, ngoài địa bàn mua tặng thẻ BHYT cho người dân, học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc các xã vùng I và xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thành phố, nhằm đảm bảo tỷ lệ bao phủ BHYT theo chỉ tiêu đã đề ra, hướng tới BHYT toàn dân, đảm bảo tính bền vững, ổn định, thực hiện tốt công tác An sinh xã hội trên địa bàn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động- Thương binh và Xã hội, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- BHXH Việt Nam (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Báo Sơn La; Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm thông tin;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (D05b).



**Đặng Ngọc Hậu**



Phụ lục

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHYT NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3294 /QĐ-UBND ngày 30 /12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Dân số ước năm 2021 = DS 2020 x 1,012		Lực lượng lao động trong độ tuổi (LLLĐ)			Giao chỉ tiêu đối tượng BHXH						Giao chỉ tiêu đối tượng BHYT			
		Tổng DS	Trong đó: Dân số có mặt tại tỉnh	Tổng số LLLĐ	Trong đó			BHXH Bắt buộc			BHXH Tự nguyện			Số người tham gia	Trong đó Số ĐT mới năm 2022	Tỉ lệ tham gia/LLLĐ tại tỉnh
					LLLĐ có mặt tại tỉnh	LĐ ngoại tỉnh chưa về	LĐ ngoại tỉnh có đóng	Tổng số ĐT	Trong đó Số ĐT mới năm 2022	Tỉ lệ tham gia/LLLĐ tại tỉnh	Tổng số ĐT	Trong đó Số ĐT mới năm 2022	Tỉ lệ tham gia/LLLĐ tại tỉnh			
1	2	3	4=3-8	5	6=5-7	7	8	9	10	11=9/6	12	13	14=12/6	15	16	17=15/4
1	Thành phố	109.175	108.193	61.587	60.605	982	982	20.263	1.501	33,4%	3.750	770	6,2%	106.243	2.384	98,2%
2	Quỳnh Nhai	65.816	64.403	35.705	32.014	3.691	1.413	2.470	118	7,7%	1.978	336	6,2%	59.275	4.712	92,0%
3	Thuận Châu	176.638	173.662	95.844	89.210	6.634	2.976	4.975	282	5,6%	6.088	1.138	6,8%	171.349	2.826	98,7%
4	Mường La	102.312	99.076	53.357	45.575	7.782	3.236	3.375	161	7,4%	2.326	466	5,1%	94.224	2.596	95,1%
5	Bắc Yên	67.789	65.072	35.299	32.582	2.717	2.717	2.917	139	9,0%	1.677	175	5,1%	65.072	776	100,0%
6	Phù Yên	118.136	109.701	62.696	52.634	10.062	8.435	5.011	284	9,5%	3.717	501	7,1%	106.332	5.006	96,9%
7	Mộc Châu	118.201	115.160	65.130	60.321	4.809	3.041	6.544	485	10,8%	5.015	775	8,3%	105.575	11.714	91,7%
8	Yên Châu	81.737	80.380	44.926	42.598	2.328	1.357	2.853	136	6,7%	3.159	459	7,4%	79.080	1.588	98,4%
9	Mai Sơn	168.334	165.524	91.477	85.925	5.552	2.810	6.848	507	8,0%	5.810	990	6,8%	149.962	13.220	90,6%
10	Sông Mã	158.666	156.266	84.403	78.809	5.594	2.400	4.215	239	5,3%	2.685	766	3,4%	149.949	6.210	96,0%
11	Sốp Cộp	51.931	51.379	27.682	26.104	1.578	552	1.993	95	7,6%	1.676	166	6,4%	51.379	616	100,0%
12	Vân Hồ	63.949	62.630	35.242	32.222	3.020	1.319	2.420	137	7,5%	2.353	233	7,3%	61.640	2.008	98,4%
	<b>Cộng</b>	<b>1.282.684</b>	<b>1.251.446</b>	<b>693.348</b>	<b>638.599</b>	<b>54.749</b>	<b>31.238</b>	<b>63.884</b>	<b>4.084</b>	<b>10,0%</b>	<b>40.234</b>	<b>6.775</b>	<b>6,3%</b>	<b>1.200.080</b>	<b>53.656</b>	<b>95,9%</b>

*(Handwritten signature)*